

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27/02/2024

V/v "Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Hòa.

Bà Vũ Thị Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 569/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh G, sinh năm 1981,

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Hà Quang C, sinh năm 1979,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Hàn Quốc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hà Quang C1, sinh năm 1941 và bà Vũ Thị B, sinh năm 1949. Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự đều vắng mặt, chị G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh C, ông C1 và bà B vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Nguyễn Thanh G trình bày: Chị và anh Hà Quang C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L (nay là phường C), thị xã L, tỉnh Lào Cai ngày 18/5/2001. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau ở Lào Cai được khoảng 4 năm thì về gia đình anh C sinh sống. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và ứng xử của vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong việc nuôi dạy con cái và cuộc sống hằng ngày nên thường xảy ra cãi vã. Năm 2020 anh C đi lao động tại Hàn Quốc, vợ chồng vẫn liên lạc với nhau nhưng mỗi lần liên lạc lại xảy ra chửi bới, xúc phạm nhau. Tháng 8/2023, mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm từ đó vợ chồng không quan tâm, không liên lạc với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Quang C.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Hà L, sinh ngày 19/01/2002, Hà Minh A, sinh ngày 13/02/2011 và Hà Quang M, sinh ngày 03/5/2017, hiện các con đang ở với chị. Con Hà L đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; con Hà Minh A có nguyện vọng được ở với anh C và ông bà nội nên chị đề nghị giao con Hà Minh A cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng; chị tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con và Hà Quang M cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh C không có mặt tại Việt Nam, chị nhất trí giao con Hà Minh A cho ông Hà Quang C1 và bà Vũ Thị B chăm sóc cho đến khi anh C về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị G không cung cấp được địa chỉ của anh C nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh C. Ông Hà Quang C1 và bà Vũ Thị B (là bố mẹ đẻ anh C) trình bày: Ông, bà không biết địa chỉ cụ thể của anh C ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh C vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông, bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh C biết, thông qua gia đình anh C có quan điểm không mong muốn vợ chồng ly hôn, chị G vẫn cương quyết ly hôn là việc của chị G, anh không có ý kiến gì vì cũng đã khuyên bảo nhưng chị không thay đổi. Trường hợp vẫn giải quyết ly hôn, anh C đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Hà Minh A, nhất trí để chị G nuôi con Hà Quang M cho đến khi các con thành niên, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau, con chung Hà L đã thành niên nên anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian không có mặt ở Việt Nam, anh ủy quyền

cho bố, mẹ thay anh chăm sóc con Hà Minh A cho đến khi anh về nước. Tài sản chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Hà Quang C1 và bà Vũ Thị B nhất trí thay anh C chăm sóc cháu Hà Minh A cho đến khi anh C về nước và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi cháu Hà Minh A.

Con chung của chị G và anh C là cháu Hà Minh A có nguyện vọng được ở với anh C, ông C1 và bà B; cháu Hà Quang M có nguyện vọng được ở với chị G.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị G, anh C sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn được một thời gian, vợ chồng về chung sống tại địa phương, quá trình chung sống anh C có thời gian dài đi lao động ở nước ngoài đến nay chưa về nước, vợ chồng chủ yếu sống xa cách mỗi người một nơi, vợ chồng không có sự gần gũi, gắn bó. Nay chị G có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thanh G ly hôn anh Hà Quang C. Về con chung: Giao con chung Hà Minh A cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Hà Quang M cho chị G chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao con chung Hà Minh A cho ông Hà Quang C1 và bà Vũ Thị B chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh C không có mặt tại Việt Nam. Chị G phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thanh G hiện đang sinh sống ở Việt Nam; bị đơn anh Hà Quang C có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương, hiện anh C đang lao động tại Hàn Quốc. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị G không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh

C. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh C cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông C1, bà B là bố, mẹ đẻ anh C để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị G và anh C đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Ông C1, bà B vẫn liên lạc với anh C và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị G và anh C. Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt, chị G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh C, ông C1 và bà B vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh G và anh Hà Quang C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L (nay là phường C), thị xã L, tỉnh Lào Cai ngày 18/5/2001 là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và ứng xử của anh, chị không hợp nhau, bất đồng trong việc nuôi dạy con cái và trong cuộc sống hằng ngày. Năm 2020 anh C đi lao động tại Hàn Quốc nhưng mỗi lần liên lạc lại xảy ra cãi vã, chửi bới, xúc phạm lẫn nhau, kể từ tháng 8/2023 vợ chồng không quan tâm và không liên lạc với nhau. Chị G xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C. Thông qua gia đình anh C xác định không mong muốn vợ chồng ly hôn, anh đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị G không thay đổi vẫn cương quyết ly hôn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù anh C không đồng ý ly hôn, anh đã khuyên bảo nhưng chị G vẫn đề nghị ly hôn và anh không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vợ chồng sống ly thân từ lâu và không còn quan tâm đến nhau. Hơn nữa mâu thuẫn giữa chị G và anh C đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thanh G và anh Hà Quang C có 03 con chung là Hà L, sinh ngày 19/01/2002, Hà Minh A, sinh ngày 13/02/2011 và Hà Quang M, sinh ngày 03/5/2017, hiện các con đang ở với chị G. Con chung Hà L đã thành niên nên chị G, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị G, anh C thống nhất giao con chung Hà Minh A cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Hà Quang M cho chị G chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên (trên 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh C không có mặt tại Việt Nam, anh chị nhất trí giao con Hà Minh A cho ông Hà

Quang C1 và bà Vũ Thị B chăm sóc cho đến khi anh C về nước. Con chung Hà Minh A có nguyện vọng được ở với anh C và ông bà nội; con chung Hà Quang M có nguyện vọng được ở với chị G. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận về việc nuôi con của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị giao con chung Hà Minh A cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Hà Quang M cho chị G chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên. Tạm giao cháu Hà Minh A cho ông Hà Quang C1 và bà Vũ Thị B chăm, nuôi dưỡng trong thời gian anh C không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị G, anh C xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thanh G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thanh G ly hôn anh Hà Quang C.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Hà Quang C được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hà Minh A, sinh ngày 13/02/2011; giao cho chị Nguyễn Thanh G được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hà Quang M, sinh ngày 03/5/2017 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao con chung Hà Minh A cho ông Hà Quang C1 và bà Vũ Thị B nuôi dưỡng trong thời gian anh C không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thanh G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000370 ngày 21/12/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị G đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thanh G, ông Hà Quang C1 và bà Vũ Thị B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Hà Quang C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Cốc Lếu, thị xã Lào Cai, tỉnh Lào Cai (để ghi vào sổ hộ tịch);
- UBND xã Tân Hương, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường